| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI**<br>**TỈNH QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 11/2025/DS-ST
Ngày: 20 - 3 - 2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH.**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông: Hoàng Văn Lộc

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trương Quang Lương

Bà Dương Thị Hồng Liên

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Hoàng Ngọc Nhân - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 3 năm 2025, tại Hội trường xét xử của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 212/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐXXST-DS ngày 07/02/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2025/QĐST-DS ngày 27/02/2025, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Công ty tài chính T; địa chỉ: Phường Thủ Thiêm, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; người đại diện theo pháp luật: Ông Ch Tổng giám đốc; người đại diện theo ủy quyền: Công ty luật T, ông L, sinh năm 1999; địa chỉ: phường Hoà Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Theo Giấy uỷ quyền số 23/2024/UQ-KK-SVFC và Giấy uỷ quyền số 04/UQ.2024 ngày 28/09/2024. Ông T có mặt.

*2. Bị đơn:* Ông Nguyễn Xuân N, sinh năm 1991; địa chỉ:, phường Đồng Hải, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt lần thứ hai.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

** Ý kiến đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Công ty tài chính T do ông L trình bày:*

Ngày 10/08/2021, Công ty tài chính T (Sau đây gọi tắt là “Công ty”) và ông Nguyễn Xuân N có ký hợp đồng cho vay số 100620459. Sau đó, vào ngày

16/09/2021 Công ty và ông Nguyễn Xuân N tiếp tục ký kết Hợp đồng cho vay số 100644475. Theo đó:

1. Đối với Hợp đồng cho vay tiêu dùng số 100620459 ngày 10/8/2021:

Công ty cho ông N vay số tiền 20.500.000 đồng với lãi suất 38%/năm, mục đích vay mua phương tiện đi lại, loại hình vay tín chấp (không yêu cầu tài sản đảm bảo), ngày 10/08/2021, Công ty đã giải ngân đủ số tiền 20.500.000 đồng cho ông Nhật.

Căn cứ quy định của hợp đồng cho vay số 100620459, ông N có nghĩa vụ thanh toán khoản vay bao gồm gốc và lãi trong vòng 24 kỳ vào ngày 10 hàng tháng, số tiền thanh toán mỗi kỳ là 1.232.509 đồng, kỳ đầu tiền vào ngày 10/09/2021, kỳ cuối cùng vào ngày 10/08/2023. Tuy nhiên, đến nay, ông Nguyễn Xuân Nhật chỉ mới thanh toán tổng cộng 5 kỳ với tổng số tiền 6.165.019 đồng.

2. Đối với Hợp đồng cho vay số 100644475 ngày 16/9/2021:

Công ty cho ông N vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất 38%/năm, mục đích vay mua phương tiện đi lại, loại hình vay tín chấp (không yêu cầu tài sản đảm bảo), ngày 16/09/2021, Công ty đã giải ngân đủ số tiền 20.000.000 đồng cho ông Nhật.

Căn cứ quy định của hợp đồng cho vay số 100644475 ngày 16/9/2021, ông Nhật có nghĩa vụ thanh toán khoản vay bao gồm gốc và lãi trong vòng 36 kỳ vào ngày 10 hàng tháng, số tiền thanh toán mỗi kỳ là 933.010 đồng, kỳ đầu tiền vào ngày 10/10/2021, kỳ cuối cùng vào ngày 10/09/2024. Tuy nhiên, đến nay, ông Nhật chỉ mới thanh toán tổng cộng 4 kỳ với tổng số tiền 3.732.040 đồng.

Ông Nhật đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, mặc dù Công ty đã nhiều lần liên hệ và tạo điều kiện nhưng ông N vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Công ty theo hai hợp đồng nêu trên.

Nay Công ty yêu cầu ông N phải trả với số tiền gốc, lãi, lãi phạt tính đến ngày 20/3/2025 là 94.920.667 đồng, trong đó nợ:

- Theo  Hợp đồng cho vay tiêu dùng số 100620459 ngày 10/8/2021:

Gốc 17.412.294 đồng, lãi trong hạn 6.002.893 đồng, lãi quá hạn 23.165.351 đồng, lãi chậm trả 1.550.682 đồng.

- Theo Hợp đồng cho vay số 100644475 ngày 16/9/2021:

Gốc 18.661.971 đồng, lãi trong hạn 11.244.364 đồng, lãi quá hạn 14.435. 239 đồng, lãi chậm trả 2.447.873 đồng.

Trong trường hợp ông N không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền gốc, lãi, lãi phạt nên trên thì phải tiếp tục trả các lãi theo hợp đồng cho vay nêu trên cho đến khi thanh toán xong nợ gốc và lãi, lãi phạt.

* *Ý kiến của bị đơn ông Nguyễn Xuân N*: Trong quá trình giải quyết vụ án Toà án đã triệu tập nhiều lần nhưng ông N không có mặt nên không có ý kiến trình bày.

* *Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà cơ bản đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý vụ án theo đúng

thẩm quyền, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng các 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật tổ chức tín dụng 2010; Điều 100, 103 Luật tổ chức tín dụng 2024; Điều 7, 8 Nghị quyết 01/2019/NQ - HĐTP ngày 11/01/2019 của Toà án nhân dân tối cao, hướng dẫn án dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, lãi phạt vi phạm.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí dân sự sơ thẩm các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thì đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", tranh chấp phát sinh giữa cá nhân và công ty; bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới.

[2] Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập các bên đương sự đến Tòa án để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng chỉ có đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có mặt, bị đơn không có mặt Toà án đã lập biên bản không tiến hành hòa giải được và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và cũng xác minh tại TDP ông N hiện có mặt tại địa phương. Do đó, Tòa án đã ra Quyết định xét xử vụ án; Quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa bị đơn ông N tiếp tục vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án.

**[3]** Xét yêu cầu của Công ty tài chính T ( được gọi tắt Công ty) yêu cầu ông Nguyên Xuân N phải thanh toán tổng số tiền gốc, lãi, lãi phạt của hai hợp đồng tính đến ngày 20/3/2025 là 94.920.667 đồng, trong đó nợ:

- Theo Hợp đồng cho vay tiêu dùng số 100620459 ngày 10/8/2021; Gốc 17.412.294 đồng, lãi trong hạn 6.002.893 đồng, lãi quá hạn 23.165.351 đồng, lãi chậm trả 1.550.682 đồng.

- Theo Hợp đồng cho vay số 100644475 ngày 16/9/2021; Gốc 18.661.971 đồng, lãi trong hạn 11.244.364 đồng, lãi quá hạn 14.435. 239 đồng, lãi chậm trả 2.447.873 đồng.

Theo Hợp đồng cho vay tiêu dùng số 100620459 ngày 10/8/2021:

Công ty cho ông N vay số tiền 20.500.000 đồng với lãi suất 38%/năm, mục đích vay mua phương tiện đi lại, loại hình vay tín chấp (không yêu cầu tài sản đảm bảo) ngày 10/08/2021, Công ty đã giải ngân đủ số tiền 20.500.000 đồng theo hợp đồng cho vay, ông N có nghĩa vụ thanh toán khoản vay bao gồm gốc và lãi trong vòng 24 kỳ vào ngày 10 hàng tháng, số tiền thanh toán mỗi kỳ là 1.232.509 đồng,

kỳ đầu tiền vào ngày 10/09/2021, kỳ cuối cùng vào ngày 10/08/2023. Tuy nhiên, đến nay, ông N chỉ mới thanh toán tổng cộng 5 kỳ với tổng số tiền 6.165.019 đồng.

Theo Hợp đồng cho vay số 100644475 ngày 16/9/2021:

Công ty cho ông N vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất 38%/năm, mục đích vay mua phương tiện đi lại, loại hình vay tín chấp (không yêu cầu tài sản đảm bảo), ngày 16/09/2021, Công ty đã giải ngân đủ số tiền 20.000.000 đồng. Căn cứ quy định của hợp đồng cho vay số 100644475 ngày 16/9/2021, ông Nhật có nghĩa vụ thanh toán khoản vay bao gồm gốc và lãi trong vòng 36 kỳ vào ngày 10 hàng tháng, số tiền thanh toán mỗi kỳ là 933.010 đồng, kỳ đầu tiền vào ngày 10/10/2021, kỳ cuối cùng vào ngày 10/09/2024. Tuy nhiên, đến nay, ông N chỉ mới thanh toán tổng cộng 4 kỳ với tổng số tiền 3.732.040 đồng.

Công ty và ông N đã ký kết hai hợp đồng vay tiền các bên đều có đủ năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch dân sự được xác lập, khi tham gia giao dịch dân sự hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp quy định của Điều 116, 117, 119 Bộ luật dân sự 2015. Về nội dung tuân theo các quy định của Điều 463, 465, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự 2015. Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017. Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng 2024; Điều 7, 8, 13 Nghị quyết 01/2019/NQ - HĐTP ngày 11/01/2019 của Toà án nhân dân tối cao, hướng dẫn án dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, lãi phạt vi phạm.

Hợp đồng ký kết có hiệu lực đã được các bên thực hiện, ông N đã nhận được số tiền vay vốn do phía Công ty giao, sau đó trả được gốc và lãi theo như thoả thuận tại Hợp đồng số còn lại một số tiền gốc và lãi không trả được theo như các bên đã thoả thuận tại hợp đồng cho vay dẫn đến nợ kéo dài nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Công ty đã nhiều lần thông báo nợ yêu cầu ông Nhật trả nợ nhưng vẫn không thực hiện việc trả nợ nhưng ông N vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Công ty theo hai hợp đồng nêu trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà phía bị đơn không có mặt nhưng căn cứ vào Hai hợp đồng vay tài sản xác định được ông N đã nhận được số tiền vay do Công ty chuyển qua tài khoản của ông N và ông đã trả được một số kỳ trả nợ. Do đó, ông N có nghĩa vụ trả nợ cho Công ty với số tiền gốc, lãi, lãi phạt tính đến ngày 20/3/2025, tổng cộng là 94.920.667 đồng.

[5] Về án phí: Ông N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm của 94.920.667 đồng.x 5% = 4.746.000đồng.

Công ty tài chính T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại số tiền đã nộp 2.118.000 đồng.

***Vì các lẽ trên,***

## QUYẾT ĐỊNH:

Về điều luật: Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 116, 117, 119, 317, 318, 320, 321, 323, 385, 398, 401, 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017; Các Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng 2024; Điều 7, 13 Nghị quyết

01/2019/NQ - HĐTP ngày 11/01/2019 của Toà án nhân dân tối cao, hướng dẫn án dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, lãi phạt vi phạm.xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty tài chính T.

2. Buộc ông Nguyễn Xuân N phải trả cho Công ty tài chính T với số tiền gốc, lãi, lãi phạt của hai hợp đồng cho vay tính đến ngày 20/3/2025 là 94.920.667 đồng *(ghi bằng chữ: Chín mươi bốn triệu, chín trăm hai mươi ngàn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng*), trong đó nợ:

- Theo Hợp đồng cho vay tiêu dùng số 100620459 ngày 10/8/2021; Gốc 17.412.294 đồng, lãi trong hạn 6.002.893 đồng, lãi quá hạn 23.165.351 đồng, lãi chậm trả 1.550.682 đồng.

- Theo Hợp đồng cho vay số 100644475 ngày 16/9/2021; Gốc 18.661.971 đồng, lãi trong hạn 11.244.364 đồng, lãi quá hạn 14.435.239 đồng, lãi chậm trả 2.447.873 đồng.

3. Kể từ ngày 21/3/2025 cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thoả thuận tại Hợp đồng cho vay tiêu dùng số 100620459 ngày 10/8/2021 và Hợp đồng cho vay số 100644475 ngày 16/9/2021 được ký kết giữa Công ty tài chính T và ông Nguyễn Xuân N.

4. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử buộc ông Nguyễn Xuân Nhật phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 4.746.000 đồng, để nộp ngân sách Nhà nước.

- Công ty tài chính T không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho Công ty tài chính T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.118.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0001506 ngày 11/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 20/3/2025, đương sự vắng mặt tại phiên toà hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**(đã ký)**

*Nơi nhận:*
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND TP. Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP. Đồng Hới;
- Các đương sự;

- Lưu Hồ sơ.

**Hoàng Văn Lộc**